

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-PT

Ngày: 10/02/2026

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Ông **Vũ Việt Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Chiên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/12/2025 và ngày 10/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2025/TLPT-DS ngày 15/11/2025, về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự số 57/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân quận Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 377/2025/QĐXXDS-PT ngày 24/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 474/2025/QĐPT-DS ngày 09/12/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 505/2025/QĐPT-DS ngày 29/12/2025; Thông báo về thay đổi thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số 50/TB-TA ngày 20/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị B** - sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê L** - sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị Xuân P** - sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Số D đường T, tổ B phường T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Tuấn L1** - sinh năm 1975. Địa chỉ: Số I đường Y, thành phố Đà Nẵng, (Giấy uỷ quyền ngày 20/11/2025). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1960 và bà **Hồ Thị T1** - sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Số G đường T, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông **Nguyễn Thanh Q** - sinh năm 1982 và bà **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Số G đường T, phường L, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị T1** - sinh năm 1958. địa chỉ: : Số G đường T, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Hồ Văn H** - sinh năm 1970 và bà **Lê Thị T2** - sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Số D đường K, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T2 vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà **Hồ Thị B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa như sau:*

Năm 2016, tôi và ông Lê L là chỗ quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau, đến năm 2018 tôi có mua đất tại kiệt 294 Nguyễn Lương B1 và biết ông L là con Liệt sỹ nên đã nhờ ông L đứng tên giùm lô đất để sau này giải tỏa sẽ được ưu tiên hơn, nhưng khi giải tỏa ông L đã nhận tiền và cố tình không giao lại cho tôi, nên tôi khởi kiện vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P về việc: 02 vợ chồng ông bà đã tự ý nhận tiền đền bù, đất tái định cư đối với 03 hồ sơ đất ba lá mà tôi mua của những người liên quan nêu trên, có nhờ vợ chồng ông bà đứng tên là bên nhận ủy quyền, nhưng toàn bộ tiền bồi thường và nhận phiếu đất tái định cư đều phải thuộc về chủ sở hữu là tôi - người bỏ tiền ra giao dịch mua 03 hồ sơ đất ba lá trước đó.

Nay Hội đồng BTTH, HT & TĐC thuộc UBND quận L trả lời đơn kiến nghị của tôi rằng: Ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P thuộc diện giải tỏa dự án Nút giao thông đường Trục 1 T - Quốc lộ A với đường nối khu công nghiệp H. Hồ sơ đền bù: 53; Diện tích đất sử dụng: 301,2m², Diện tích đất thu hồi: 301,2m², Nhân khẩu: không có hộ khẩu tại nơi giải tỏa; Tổng giá trị đền bù: 576.122.060 đồng (trong đó nhà: 134.640.500 đồng; VKT: 36.404.950 đồng; còn lại là tiền giá trị đất). Bố trí 02 lô đất đường 5,5m Khu số - Trung tâm Đ (giai đoạn 2).

Hiện nay, hộ ông L và bà P đã nhận tiền bồi thường, việc bố trí đất tái định cư đã được lập phiếu phân lô đất (02 lô) nhưng chưa giao cho vợ chồng ông Lê L.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi, là người thực sự bỏ tiền ra mua 03 hồ sơ ba lá của những người liên quan nêu trên, tổng số tiền tôi bỏ ra là 580.000.000 đồng. Nay tôi kính đề nghị quý Tòa xem xét:

- Buộc ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P phải hoàn trả cho tôi số tiền đền bù là 576.122.060 đồng mà ông L bà P đã nhận từ Ban đền bù giải toả thuộc UBND Quận L.

- Công nhận cho tôi là chủ sở hữu của 02 lô đất lô số 235 và 236 phân khu B2.6 đường 5.5m, diện tích mỗi lô 80m², tại Khu S - Trung tâm Đ (giai đoạn 2), (nay là đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng) mà Ban bồi thường giải toả dự định cấp 2 phiếu đất cho vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Tuấn L1 trình bày:*

Qua nội dung khởi kiện của bà Hồ Thị B thì ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các nội dung như sau;

Thứ nhất: Ông L và bà P không có bà con hay họ hàng gì với bà Hồ Thị B, mà chỉ có quan hệ giữa một bên có nhu cầu mua đất và bà B là môi giới (cò đất) mà thôi, hơn nữa cũng không có quan hệ tình cảm hay chung chạ gì với bà B để làm ăn cùng nhau và ông L và bà P cũng không đứng tên hộ hồ sơ nào của bà Hồ Thị B cả. Những lời trình bày của bà Hồ Thị B là vô căn cứ, bịa đặt.

Thứ hai: Hồ sơ đất số 53 của ông L và bà P đã được nhà nước công nhận là hồ sơ pháp lý được UBND phường H xác nhận hình thành và được Trung tâm K có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất về nhập thửa 45, tờ 66 và hình thành thửa đất mới là 95, tờ bản đồ số 58 ngày 25/12/2018. Bản thân vợ chồng ông L và bà P không tự làm ra sổ thửa và số tờ bản đồ cho thửa đất nêu trên.

Việc UBND quận L sau khi xem xét hồ sơ đã quyết định đền bù và hỗ trợ tái định cư cho vợ chồng ông L và bà P là hoàn toàn hợp pháp. Do vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị T1 trình bày:*

Ngày 20/12/2018, vợ chồng tôi có chuyển nhượng 01 lô đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² tại địa chỉ Q, phường H, quận L, Đà Nẵng cho bà Hồ Thị B với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc mua bán chuyển nhượng đất được diễn ra tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Theo đó, bà Hồ Thị B đã thanh toán cho vợ chồng tôi số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy nhận tiền viết tay ngày 20/12/2018, (trong đó 100.000.000 đồng là tiền bà B nhận chuyển nhượng đối với lô đất của vợ chồng tôi; 100.000.000 đồng còn lại là tiền bà B nhận chuyển nhượng đối với lô đất của vợ chồng con tôi là Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thị V). Sau đó bà B yêu cầu chúng tôi ký công chứng cho ông L và bà P.

Nguồn gốc 02 lô đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng trước đây là khu đất hồ trồng rau muống do ông Trương

P1 canh tác và sử dụng, địa chỉ: tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trước tháng 10/2000, ông Trương P1 chuyển nhượng 02 lô đất nêu trên cho tôi. 01 lô do tôi trực tiếp đứng tên, lô còn lại do vợ chồng con tôi là Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thị V đứng tên. UBND phường H đã xác nhận và cấp cho mỗi hộ chúng tôi 100m² đất tại thửa đất nêu trên theo Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 14/09/2000 của tôi là Hồ Thị T1; Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở ngày 12/10/2000 của vợ chồng con tôi là Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thị V.

Ngoài giấy nhận tiền ngày 20/12/2018 là do chúng tôi viết cho bà B thì chúng tôi không viết thêm giấy tờ nào cho ông L và bà P.

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thanh Q là bà Hồ Thị T1 trình bày:*

Nguyên thừa đất số 31, tờ bản đồ số 06, địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc của cha mẹ là bà Hồ Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Trương P1 trước đây là khu đất hồ trồng rau muống tại địa chỉ tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Mục đích mua là cho con trai Nguyễn Thanh Q vì vậy đã làm hồ sơ xin giao đất để xây dựng nhà ở đứng tên ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị V với diện tích 100m². Vì đất không có đường đi nên phường không cho phép xây dựng nhà ở nên cha mẹ là bà Hồ Thị T1 và ông Nguyễn Văn T đã bán hồ sơ đất này cho bà Hồ Thị B vào năm 2018 với số tiền một lô 100m² với giá 100 triệu đồng, do mẹ là bà T1 trực tiếp nhận tiền từ bà B. Hai vợ chồng ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị V chỉ ra công chứng ký giấy ủy quyền cho vợ chồng ông Lê L chứ không giao dịch mua bán trực tiếp với vợ chồng ông Lê L.

Nay bà Hồ Thị B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 57/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ: khoản 9, 14 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 157, 158, 161, 164, 165, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 221, 235 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B đối với ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P về việc “*Tranh chấp Đòi tài sản*”.

Xử:

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B đối với ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P về việc đòi giá trị tiền bồi thường vật kiến trúc và quyền sử dụng đất số tiền 576.122.060 đồng.

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B đối với ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P về việc công nhận cho bà Hồ Thị B được sở hữu 02 lô đất tái định cư, Lô đất

số 235 và 236 phân khu B2.6 đường 5.5m H, diện tích mỗi lô 80m², tại khu S Trung tâm đô thị mới T, tại địa chỉ đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hồ Thị B phải chịu số tiền 27.344.880 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.141.830 đồng theo biên lai thu số 0009038 ngày 08/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Số tiền còn thừa hoàn lại cho bà Hồ Thị B là 796.950 đồng.

3. Về tiền chi phí tố tụng: Buộc bà Hồ Thị B phải chịu tổng số tiền 48.000.000 đồng, trong đó, tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, tiền thẩm định giá tài sản là 45.000.000 đồng (bà B đã nộp và đã chi xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2025 bà Hồ Thị B kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự số 57/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Thanh V1 mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ Văn H và bà Lê Thị T2.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Hồ Thị B thì thấy:

[2.1] Căn cứ Công văn số 321/BGPMB ngày 14/4/2025 của Ban giải phóng mặt bằng quận L (nay là Chi nhánh khu vực số E - Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng) thì ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P có thửa đất thuộc diện giải tỏa dự án Nút giao thông đường Trục 1 T - Quốc lộ A với đường nối khu công nghiệp H đến đường N, địa điểm phường H thuộc dự án tuyến đường Trục 1 T (đoạn từ nút giao thông Ngã ba Huế đến Bệnh viện U, đoạn từ Hồ Tùng M đến QL1A và đoạn nối đường V từ nút QL1A đến đường sắt), cụ thể: Hồ sơ đền bù: 53; Diện tích đất sử dụng: 301,2m²; Diện tích thu hồi: 301,2m²; Tổng giá trị đền bù: 576.122.060 đồng.

Về nguồn gốc sử dụng đất ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P có đơn và sơ đồ xin giao đất để làm nhà ở thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, DT: 300m² được UBND phường H xác nhận ngày 20/4/2001. Đơn xác nhận có nhà ở được UBND phường H xác nhận ngày 22/6/2001. Biên lai thu thuế nhà đất năm 2003 (ghi thu 2001 - 2003) tại tổ G, 2006, 2011, 2013, 2014, 2018 tại tổ B đứng tên L nộp. Biên bản kê khai nguồn gốc sử dụng đất được UBND phường xác nhận, nội dung: Vị trí thu hồi đất thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, DT: 1.418m² đất MnHg theo đăng ký Nghị định 64/CP. Trung tâm K xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất về nhập thửa 45, tờ 66 và hình thành thửa đất mới là thửa 95, tờ 58 ngày 25/12/2018 và Công văn số 1189 ngày 02/10/2019 về việc ban hành thửa đất thu hồi hết diện tích đất cho dự án Nút giao thông đường Trục 1 T. Kết quả bố trí tái định cư theo chủ hộ chọn: Bố trí 02 lô 235 và 236 phân khu B2.6 đường 5.5m, diện tích mỗi lô 80m², tại Khu S - Trung tâm Đ (giai đoạn 2), (nay là đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng).

[2.2] Bà Hồ Thị B cho rằng số tiền đền bù 576.122.060 đồng và 02 lô đất được bố trí tái cư nêu trên là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà. Quá trình tham gia tố tụng, bà B trình bày do bà có quan hệ tình cảm với ông Lê L và biết gia đình ông Lê L là gia đình thuộc diện chính sách, có thân nhân là Liệt sỹ, nên khi bị giải tỏa thu hồi đất sẽ được ưu tiên hơn, nên bà có nhờ vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P đứng tên giùm 03 lô đất, mỗi lô 100m² tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, được bà mua của các hộ, gồm: Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị T1; bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thanh Q (con ông T và bà T1); bà Lê Thị T2 và ông Hồ Văn H. Tuy nhiên, ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P không đồng ý trả lại tài sản trên và ông Lê L cũng không thừa nhận giữa ông với bà B có quan hệ tình cảm hay nhận đứng tên giùm cho bà B bất cứ tài sản nào, mà chỉ thừa nhận bà B với vai trò là bên môi giới để vợ chồng ông L và bà P mua thửa đất trên. Còn bà Hồ Thị T1 khai có bán đất cho bà B và nhận của bà B số tiền 200.000.000 đồng cho 200m² đất, nhưng tại Hợp đồng uỷ quyền ngày 20/01/2018 giữa ông Hồ Văn H, bà Lê Thị T2 với ông Lê L, bà Nguyễn Thị Xuân P và các Hợp đồng uỷ quyền ngày 20/8/2018 giữa ông Nguyễn Văn T, bà Hồ Thị T1 với ông Lê L; giữa ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị V với ông Lê L, bà Nguyễn Thị Xuân P được Văn phòng C chứng thực về việc uỷ quyền liên quan đến quyền sử dụng đất đối với các lô đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, địa chỉ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nên về pháp lý đứng tên hồ sơ đất là của ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P. Việc bà Hồ Thị B khai nhận có nội dung nêu trên nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà B nhờ ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P đứng tên giùm để hưởng chế độ chính sách về việc giải tỏa đền bù. Mặt khác, bà B cho rằng có quan hệ tình cảm với ông Lê L nhưng lại nhờ ông Lê L và vợ ông L là bà Nguyễn Thị Xuân P cùng đứng tên giùm lô đất do bà bỏ tiền ra mua của người khác là không có cơ sở.

[2.3] Khi thực hiện dự án giải tỏa đền bù thì Ban giải phóng mặt bằng quận L (cũ) làm việc trực tiếp với vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P là người có quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản. Căn cứ trên hồ sơ pháp lý do ông Lê L

cung cấp; Kết quả đo đạc của Trung tâm K xác nhận hiện trạng thửa đất về nhập thửa và hình thành thửa đất mới là thửa 95, tờ 58 ngày 25/12/2018 và Công văn số 1189 ngày 02/10/2019 về việc ban hành thửa đất thu hồi hết diện tích đất cho dự án Nút giao thông đường Trục 1 T. Ban giải phóng mặt bằng quận L đã lập hồ sơ đền bù và bố trí tái định cư cho ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P với tổng giá trị đền bù có số tiền là 576.122.060 đồng và 02 lô đất số 235, số 236 phân khu B2.6 đường 5.5m, diện tích mỗi lô 80m², tại Khu S - Trung tâm Đ (giai đoạn 2) là phù hợp.

[2.4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Hồ Thị B về việc đòi lại tài sản nêu trên đối với ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự số 57/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[3] Đối với việc bà Hồ Thị T1 có nhận của bà Hồ Thị B số tiền 200.000.000đồng, nhưng công chứng ủy quyền cho vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P dẫn đến bà Hồ Thị B không được bồi thường hỗ trợ tái định cư, nếu có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về chi phí tố tụng: 48.000.000đồng, trong đó về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 45.000.000đồng. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Hồ Thị B phải chịu (đã nộp và đã chi xong).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 27.344.880đồng, bà Hồ Thị B phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.141.830đồng tại biên lai thu số 0009038 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng). Số tiền còn thừa hoàn lại cho bà Hồ Thị B là 796.950đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hồ Thị B phải chịu là 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0003288 ngày 09/10/2010 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị B;

Giữ nguyên Bản án dân sự số 57/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

Căn cứ vào: các Điều 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 221, 235 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” của bà Hồ Thị B đối với ông Lê L và bà Nguyễn Thị Xuân P về các yêu cầu:

- Đòi giá trị tiền bồi thường vật kiến trúc và quyền sử dụng đất số tiền 576.122.060đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

- Công nhận cho bà Hồ Thị B được sở hữu 02 (hai) lô đất tái định cư gồm: Lô đất số 235 và số 236 phân khu B2.6 đường 5.5m, diện tích mỗi lô 80m², tại khu S Trung tâm đô thị mới T, tại địa chỉ đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

2. Chi phí tố tụng: 48.000.000đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 45.000.000đồng, bà Hồ Thị B phải chịu (đã nộp và đã chi xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 27.344.880đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi đồng), bà Hồ Thị B phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.141.830đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu số 0009038 ngày 08/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng). Số tiền còn thừa hoàn lại cho bà Hồ Thị B là 796.950đồng (Bảy trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Hồ Thị B phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0003288 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Khu vực 4 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

